

Số: 24 /2023/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;
Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Các cơ quan TƯ trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm TT-CB;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn



QUY CHẾ

Phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Kèm theo Quyết định số 24 /2023/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung phương thức, thời gian và trách nhiệm trong phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, người làm công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Hà Giang, bao gồm:

- Cục Thống kê tỉnh; Chi cục Thống kê các huyện, thành phố và khu vực;
- Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

d) Người làm công tác thống kê tại điểm a, b khoản 1 Điều này; công chức thống kê cấp xã; người làm công tác thống kê doanh nghiệp, hợp tác xã và người được cơ quan thống kê trung tập làm điều tra viên.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh (gọi chung là đối tượng sử dụng thông tin thống kê).

3. Không áp dụng Quy chế này đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê Nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phổ biến

1. Việc phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh phải tiến hành có tổ chức, theo quy định của Luật Thống kê, Chính sách phổ biến thông tin thống kê Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Bảo đảm thông tin thống kê Nhà nước do ngành Thống kê Hà Giang, do các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang thu thập, tổng hợp được phổ biến kịp thời, đầy đủ, khách quan, rộng rãi, công khai, minh bạch và phù hợp với nhu cầu sử dụng thông tin thống kê Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh,

trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

3. Có sự phân công, phân cấp rõ ràng; xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các hoạt động phổ biến thông tin thống kê Nhà nước.

4. Bảo đảm việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê Nhà nước đã phổ biến được dễ dàng, thuận tiện, bình đẳng và hiệu quả. Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng hiện có về nguồn thông tin thống kê và các nguồn lực khác.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Loại thông tin thống kê Nhà nước được phổ biến

1. Loại thông tin thống kê Nhà nước do Cục Thống kê tỉnh phổ biến

a) Thông tin thống kê theo quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm phổ biến;

b) Thông tin thống kê thuộc Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm (gọi tắt là Báo cáo kinh tế - xã hội);

c) Thông tin thống kê thuộc Báo cáo thống kê chính thức 6 tháng, 9 tháng và hằng năm;

d) Thông tin thống kê thuộc Niên giám thống kê biên soạn hằng năm;

đ) Thông tin thống kê đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia và những thông tin đánh giá tác động, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội khác;

e) Thông tin thống kê của các cuộc điều tra được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì;

g) Thông tin thống kê chuyên đề, đột xuất và thông tin thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc chức năng, nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và phổ biến; kết quả một số cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê theo quy định;

h) Các thông tin thống kê Nhà nước khác đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2. Loại thông tin thống kê Nhà nước do các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phổ biến

a) Kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và ủy quyền cho các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành công bố và

phổ biến (kể cả thông tin các cuộc điều tra thống kê do đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện);

b) Các thông tin thống kê Nhà nước do các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, bao gồm: Báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm; kế hoạch, quy hoạch, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, thông tin số liệu khác do các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (trừ thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa được Cục Thống kê tỉnh công bố);

c) Các thông tin thống kê Nhà nước khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố.

3. Loại thông tin thống kê Nhà nước do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phổ biến

a) Kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiến hành công bố và phổ biến;

b) Các thông tin thống kê Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý, bao gồm: Báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm; kế hoạch, quy hoạch, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất, thông tin số liệu khác do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (trừ thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa được Cục Thống kê tỉnh công bố);

c) Các thông tin thống kê Nhà nước khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố.

Điều 5. Những thông tin thống kê Nhà nước nghiêm cấm phổ biến

1. Thông tin thống kê thuộc Danh mục bí mật Nhà nước.

2. Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của tổ chức, cá nhân chưa được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho phổ biến.

3. Thông tin thống kê không đảm bảo chất lượng quy định và những thông tin thống kê đã bị làm sai lệch.

4. Thông tin thống kê phục vụ lợi ích riêng của các tổ chức, cá nhân gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

Điều 6. Xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê

1. Sản phẩm thông tin thống kê là kết quả của hoạt động thống kê, bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó thể hiện dưới dạng văn bản in trên giấy hoặc dạng thông tin điện tử.

2. Việc xây dựng Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê phải đáp ứng các yêu cầu chủ yếu sau:

a) Số lượng, chủng loại sản phẩm thông tin về cơ bản đáp ứng, phù hợp với từng loại tin và đối tượng sử dụng thông tin, hợp thành hệ thống sản phẩm thông tin thống kê thống nhất, đồng bộ, thiết thực, khả thi và hiệu quả; hàng năm phải tiến hành rà soát, bổ sung, hoàn thiện;

b) Thông tin trong mỗi sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng: Tính phù hợp, tính kịp thời, tính chính xác, khả năng giải thích, tính so sánh, tính thống nhất và các tiêu chuẩn chất lượng khác;

c) Định dạng sản phẩm, tên sản phẩm, hệ thống chỉ tiêu, thiết kế bảng biểu, ngôn ngữ biên soạn được chuẩn hóa.

3. Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh được xây dựng hằng năm, bao gồm: Hệ thống thông tin thống kê của Cục Thống kê tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

4. Trên cơ sở Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê đã được xây dựng, hàng năm tiến hành lập Danh mục sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu. Mỗi sản phẩm trong danh mục cần bao gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Tên sản phẩm;

b) Nội dung chủ yếu;

c) Mức độ hoàn chỉnh của thông tin (ước tính, sơ bộ hay chính thức);

d) Định dạng sản phẩm (dạng văn bản in trên giấy hay dạng thông tin điện tử);

đ) Ngôn ngữ biên soạn;

e) Thời điểm phổ biến;

g) Hình thức phổ biến;

h) Đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến;

i) Các thông tin cơ bản khác.

5. Trước ngày 31 tháng 10 hằng năm các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải hoàn thành Danh mục sản phẩm thông tin thống kê chủ yếu sẽ được biên soạn, phổ biến trong năm kế tiếp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê tỉnh) để tổng hợp chung, đồng thời thông báo trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị (đối với các đơn vị có Trang thông tin điện tử) hoặc qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

6. Trên cơ sở Danh mục sản phẩm thông tin thống kê của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phổ biến trong năm kế tiếp, Cục Thống kê tỉnh tổng hợp và xây dựng Danh mục phổ biến

thông tin thống kê Nhà nước năm kế tiếp trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 11 hàng năm và thông báo công khai rộng rãi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước biết; đồng thời làm căn cứ theo dõi đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện.

7. Sau 6 tháng đầu năm thực hiện Danh mục phổ biến thông tin thống kê Nhà nước hàng năm, Cục Thống kê tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải thực hiện rà soát tiến độ thực hiện. Nếu có điều chỉnh, bổ sung phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Cục Thống kê tỉnh) và thông báo kịp thời để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước biết.

Điều 7. Xây dựng và công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê

1. Lịch phổ biến thông tin thống kê là thời gian biểu ấn định việc phổ biến thông tin thống kê do cơ quan, tổ chức thống kê hoặc cơ quan, tổ chức phổ biến thông tin thống kê soạn thảo và công bố, được dùng làm căn cứ để tiến hành hoạt động phổ biến thông tin thống kê và giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết trước để chủ động tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin. Lịch phổ biến thông tin thống kê Nhà nước quy định: Tên loại thông tin, thời gian phổ biến, mức độ hoàn thành (ước tính, sơ bộ, chính thức), hình thức phổ biến, đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến.

2. Chậm nhất ngày 30 tháng 11 hàng năm các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh Lịch phổ biến thông tin thống kê, gửi Cục Thống kê tỉnh tổng hợp, quyết định công bố công khai lịch phổ biến đối với những thông tin thống kê phổ biến trong năm kế tiếp.

3. Trên cơ sở Lịch phổ biến thông tin thống kê của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng, phổ biến trong năm kế tiếp, Cục Thống kê tỉnh tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, đồng thời thông báo công khai rộng rãi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê biết.

4. Ngoài những thông tin thống kê đã được quy định thời hạn phổ biến, các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm căn cứ vào nhu cầu sử dụng thông tin thống kê Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đó có nhu cầu tổng hợp chung của đơn vị để quy định lịch phổ biến các thông tin thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc chức năng, nhiệm vụ phổ biến của đơn vị.

Điều 8. Phương thức phổ biến

1. Phổ biến thông tin thống kê dưới dạng ấn phẩm in trên giấy hoặc bằng các



vật mang tin điện tử gồm: Đĩa DVD, CD-ROM và các vật mang tin khác.

2. Phổ biến thông tin thống kê trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; các Trang/Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị Nhà nước.

3. Phổ biến thông tin thống kê thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Phổ biến thông tin thống kê thông qua hợp báo, tổ chức hội nghị.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm của Cục Thống kê tỉnh

1. Là đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện việc phổ biến thông tin thống kê Nhà nước và thống nhất chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với toàn bộ hoạt động phổ biến của hệ thống tổ chức thống kê từ tỉnh đến huyện, thành phố và thống kê các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

3. Công bố công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

4. Theo dõi, hướng dẫn các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

5. Cung cấp thường xuyên thông tin thống kê cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng do Cục Thống kê tỉnh quy định hàng năm và theo từng loại thông tin, sản phẩm thông tin thống kê phổ biến trong năm, bao gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau:

a) Cơ quan, lãnh đạo Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Cục Thống kê tỉnh quy định;

b) Lãnh đạo chủ chốt các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Cung cấp thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cho cơ quan Thống kê theo quy định để Cục Thống kê tỉnh biên soạn, công bố, phổ biến.

2. Phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên Trang Thông tin điện tử của các

đơn vị hoặc qua Công Thông tin điện tử của tỉnh để tất cả các đối tượng đều có quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, khai thác, sử dụng miễn phí các thông tin thống kê này.

3. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê Nhà nước do đơn vị phổ biến tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê Nhà nước do đơn vị phổ biến tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh

1. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước

a) Tiếp cận, khai thác và sử dụng đối với thông tin thống kê Nhà nước do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến;

b) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh công khai Danh mục sản phẩm và Lịch phổ biến thông tin thống kê đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; minh bạch về nguồn thông tin, khái niệm, phạm vi thu thập, phương pháp tính toán, mức độ hoàn chỉnh của thông tin (ước tính, sơ bộ, chính thức), các điều chỉnh bổ sung và các vấn đề khác liên quan đến thông tin thống kê phổ biến;

c) Có quyền khiếu nại khi cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh không thực hiện trách nhiệm đối với những quy định tại điểm a, b nêu trên.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê Nhà nước

a) Phản ánh nhu cầu về thông tin thống kê với các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ phổ biến thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh; đồng thời chủ động đề xuất giải pháp và phối hợp tổ chức thực hiện;

b) Bảo vệ tính trung thực, khách quan và tính pháp lý của thông tin thống kê đã được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến. Khi trích dẫn và sử dụng phải ghi rõ nguồn gốc của thông tin thống kê được trích dẫn. Không được sử dụng các thông tin thống kê do đơn vị phổ biến vào những việc gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

c) Cập nhật kiến thức thống kê và kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin thống kê để chủ động trong việc tiếp cận thông tin và nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin thống kê do cơ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến.

3. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đột xuất cần được cung cấp một số thông tin thống kê trước thời hạn phổ biến theo quy định trong Lịch phổ biến thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phải cam kết thực hiện các quy định sau đây:

a) Trước thời hạn tối đa 60 ngày theo quy định trong Lịch phổ biến thông tin

thống kê, cơ quan, tổ chức, cá nhân cần đề xuất trước nhu cầu để cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có chức năng, nhiệm vụ phổ biến những thông tin thống kê này xem xét, bố trí kế hoạch đáp ứng;

b) Khi được cung cấp trước những thông tin thống kê đó chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, triển khai công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không được phổ biến cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; không được sửa chữa, thay đổi thông tin được cung cấp;

c) Trong trường hợp công bố, phổ biến các tài liệu có sử dụng thông tin thống kê được cung cấp trước, nếu tiến hành trước Lịch phổ biến những thông tin thống kê đó thì phải trao đổi lại với cơ quan, đơn vị đã cung cấp để phối hợp rà soát và cập nhật thông tin thống kê mới; nếu tiến hành sau thì sử dụng thông tin thống kê được phổ biến theo Lịch phổ biến thay thế thông tin thống kê đã được cung cấp trước nhằm đảm bảo tính thống nhất và tính pháp lý của thông tin thống kê theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế này trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đồng thời phổ biến tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan để phối hợp thực hiện.

2. Giao Cục Thống kê tỉnh là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng văn bản hướng dẫn kế hoạch triển khai, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.